TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1597/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 931/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn T, sinh năm: 1973
Địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1972
Địa chỉ cư trú: Đường A, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 00019 ngày 28/02/2003 của Ủy ban nhân dân xã C (Xã C, huyện D cũ), tỉnh An Giang.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 16/10/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/12/2025, ông T và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, con chung tên là Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày: 21/01/2001 (Đã trưởng thành) và Trần Thị Ngọc T2, sinh ngày: 19/4/2002 (Đã trưởng thành). Bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 04/6/2009; Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày: 21/12/2010 và Trần Quốc T3, sinh ngày: 12/7/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà H có yêu cầu.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông T và bà H thật sự tự nguyện ly hôn, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 00019 ngày 28/02/2003 của Ủy ban nhân dân xã C (Xã C, huyện D cũ), tỉnh An Giang hết hiệu lực.

-Về con chung: Con chung tên là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày: 21/01/2001 (Đã trưởng thành) và Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày: 19/4/2002 (Đã trưởng thành). Bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 04/6/2009; Trần Thị Ngọc M1, sinh ngày: 21/12/2010 và Trần Quốc T2, sinh ngày: 12/7/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà H có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

-Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà H phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số: 0031017 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã nộp xong lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Trần Mạnh Cường